

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HS-ST

Ngày: 10-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam.

Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Điều Thị Thúy Hà.

Bà Hà Thị Vũ.

Bà Lò Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Bích Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 110/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Văn P (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1986, tại tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Pá, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn T và bà: Lò Thị S; vợ: Lò Thị B (đã ly hôn năm 2014) và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt truy nã, tạm giam ngày 28/6/2018 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn P do Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên cử có: Bà Trần Thị S - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Họ và Tên: Lù Văn V (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 20/6/1995, tại tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lù Văn K và bà: Quảng Thị S; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt truy nã, tạm giam ngày 23/8/2018 cho đến nay được trích xuất và áp giải đến phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lù Văn V do Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên cử có:* Ông Nguyễn Trần D - Luật sư, cộng tác viên Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

3. Họ và tên: Lò Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 09/5/1986, tại tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P1, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn N và bà: Lò Thị D; vợ: Lò Thị T và có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/4/2018, tạm giam ngày 23/4/2018 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T do Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên cử có:* Ông Nguyễn Quang K - Luật sư, cộng tác viên Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

4. Họ và tên: Lò Văn T1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 25/2/1981, tại tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn T và bà: Lò Thị S; vợ: Tòng Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/4/2018, tạm giam ngày 23/4/2018 cho đến nay được trích xuất và áp giải đến phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T1 do Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên cử có:* Ông Phạm Đình K - Luật sư, cộng tác viên Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lò Thị T - Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Bản P1, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 19/4/2018, tổ công tác của Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy, đang làm nhiệm vụ tại khu vực bến xe khách thành Phố Đ đã phát hiện thấy các đối tượng Lò Văn T và Lò Văn T1 có nhiều biểu hiện về tàng trữ trái các chất ma túy, tổ công tác đã yêu cầu kiểm tra các đối tượng này nhưng các đối tượng này bỏ chạy, tổ công tác đã kịp thời bắt được các đối tượng Lò Văn T và Lò Văn T1, thu giữ 1.021,82 gam Heroine và 165,52 gam Methamphetamine. Các đối tượng có tên trên đã được tổ công tác đưa về cơ quan Công an để điều tra theo quy định của pháp luật. Tại cơ quan Điều tra các bị cáo đã khai nhận như sau:

Ngày 19/4/2018, tại đoạn đường thuộc khu vực Thủy điện P, xã M, huyện Đ và tại đường nhựa khu vực qua Suối L, Lò Văn V đã hai lần nhận Heroine và Methamphetamine của một người đàn ông tên là T2, giao lại cho Lò Văn P. Tại khu vực qua Suối L phía dưới tà ly âm, cách đường nhựa khoảng 10m P giao lại Heroine và Methamphetamine cho Lò Văn T và Lò Văn T1 mang đi bán. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T và T1 đi tới bến xe khách tỉnh Điện Biên thì bị lực lượng Công an tỉnh Điện Biên phát hiện bắt quả tang thu giữ 1.021,82 gam Heroine và 165,52 gam Methamphetamine.

Tại Bản Kết luận giám định số: 428/GĐ-PC45, ngày 29/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

“- 03 (ba) mẫu chất bột màu trắng ký hiệu M1, M2, M3 trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Văn T và mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Văn Then gửi giám định là ma túy: Loại Heroine.

- 06 (sáu) mẫu viên nén màu hồng ký hiệu theo thứ tự H1 đến H6 trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Văn T1 và 02 (hai) mẫu viên nén màu hồng ký hiệu G1, G2 trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Văn T1 gửi giám định là ma túy: Loại Methamphetamine.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lò Văn T gồm: 822,06 gam chất bột màu trắng; 124,81 gam viên nén màu hồng.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lò Văn T1 gồm: 199,76 gam chất bột màu trắng; 40,71 gam viên nén màu hồng.

...”

Tại bản Cáo trạng số: 59/CT-VKS-P1 ngày 07/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Lò Văn P, Lò Văn V, Lò Văn T, Lò Văn T1 về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm h Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Lò Văn P, Lò Văn V, Lò Văn T, Lò Văn T1 về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251/BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS, Điều 17, Điều 58, Điều 38/BLHS đối với các bị cáo Lò Văn V, Lò Văn T, Lò Văn T1. Riêng đối với các bị cáo Lò Văn P và Lò Văn T1 có bố đẻ là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251/BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS, Điều 17, Điều 58, Điều 39/BLHS đối với bị cáo Lò Văn P. Đề nghị HĐXX, xử phạt bị cáo Lò Văn P tù chung thân; xử phạt các bị cáo Lò Văn V, Lò Văn T, Lò Văn T1 mỗi bị cáo 20 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251/BLHS đối với các bị cáo vì các bị cáo không có khả năng thi hành.

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS tịch thu tiêu hủy toàn bộ số Heroine và Methamphetamine thu giữ của các bị cáo, 02 chiếc túi xách các bị cáo sử dụng để cất giấu Heroine và Methamphetamine, 01 đăng ký xe máy mang tên Lò Văn T, 04 thẻ sim điện thoại thu giữ của các bị cáo. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động các bị cáo đã sử dụng để liên lạc trao đổi mua bán ma túy; đối với số tiền 1.200.000 đồng thu giữ của bị cáo Lò Văn T và số tiền 1.100.000 đồng thu giữ của bị cáo Lò Văn T1 là tiền bị cáo Lò Văn P đưa cho các bị cáo sử dụng để chi tiêu trên đường vận chuyển ma túy xuống cho các đối tượng ở Hà Nội và Thanh Hóa cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA - SIRIUS cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Lò Văn T bị cáo đã sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nhưng do chiếc xe đó là tài sản chung hai vợ chồng bị cáo đã tiết kiệm tiền và vay ngân hàng thêm để mua nên đề nghị HĐXX trả lại cho bà Lò Thị T - Vợ của bị cáo Lò Văn T giá trị của ½ chiếc xe máy; Trả lại cho các bị cáo 02 chiếc ví giả da và các giấy tờ cá nhân khác không liên quan đến việc phạm tội.

Xét thấy, gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên áp dụng Điều 135, Điều 136/BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, miễn án phí HSST cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét về tính đồng phạm để cân nhắc áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Người bào chữa cho các bị cáo Lò Văn P, Lò Văn T1 đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015 vì bố của các bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang. Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn P đề nghị HĐXX xem xét để bị cáo được hưởng mức án tù có thời hạn. Miễn hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251/BLHS đối với các bị cáo; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo vì các bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và Luật sư bào chữa cho các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lò Văn P, Lò Văn V, Lò Văn T và Lò Văn T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản bắt người đang bị truy nã và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo đều khai rằng:

Lò Văn P đi làm thuê có quen biết với V nhà ở ngã ba nhà máy đường T và T3 nhà ở xã C, huyện S, Hà Nội, T2 nhà ở bản C, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Trước ngày 19/4/2018, V đặt mua của P Heroine giá 180 triệu đồng/01 bánh và Methamphetamine, giá 6 triệu đồng/01 gói với số lượng càng nhiều càng tốt. T3 đặt mua của P nửa bánh Heroine, giá 20 triệu đồng/01 cây và 02 gói Methamphetamine giá 6 triệu đồng/01 gói. P đặt mua nợ của T2 03 bánh Heroine, giá 160 triệu đồng/01 bánh và 08 gói Methamphetamine, giá 05 triệu đồng/01 gói, được T2 đồng ý và thống nhất sẽ giao Heroine và Methamphetamine vào ngày 19/4/2018 tại đường quốc lộ thuộc bản C, xã P, huyện Đ. P đã gọi điện cho Lò Văn T và Lò Văn T1, thuê T mang ma túy đi Thanh Hóa và T1 mang ma túy đi Hà Nội bán, P hứa trả công cho T từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng, trả công cho T1 5 triệu đồng, T và T1 đồng ý.

Sáng ngày 19/4/2018, Phính rủ Lò Văn V đi lấy ma túy cho T và T1 mang đi Hà Nội, Thanh Hóa bán, V đồng ý. Tại đoạn đường của khu vực Thủy điện P, xã M, huyện Đ, V nhận của T2 2,5 bánh Heroine và 06 gói Methamphetamine rồi giao lại cho P. P nhận mở ra kiểm tra xong giao lại cho T tại khu vực qua Suối L, phía dưới tà lỵ âm, cách đường nhựa khoảng 10m, P đưa cho T một tờ giấy ghi số điện thoại của V là người nhận ma túy và số tiền 1.200.000 đồng, dẫn T vận chuyển số ma túy trên xuống ngã ba nhà máy đường T sẽ có người đến nhận và nhận tiền của người đó mang về cho P. Tại đường nhựa khu vực qua Suối L, V tiếp tục nhận của T2 nửa bánh Heroine và 02 gói Methamphetamine và giao lại cho P tại địa điểm lúc trước P giao Heroine và Methamphetamine cho T. P nhận mở ra kiểm tra rồi giao lại cho T1 và đưa cho T1 một mảnh giấy có ghi số điện thoại của T3 người nhận ma túy đồng thời đưa cho T1 số tiền 1.200.000 đồng. P dẫn T1 vận chuyển số ma túy trên xuống xã C, Huyện S, Hà Nội giao ma túy cho T3, nhận tiền cầm về cho P.

Sau khi T và T1 nhận được Heroine và Methamphetamine của P, T chở T1 xuống bến xe khách tỉnh Điện Biên để đón xe đi Hà Nội và Thanh Hóa. Còn P, V đi về nhà. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T và T1 đến bến xe khách tỉnh Điện Biên, T1 đang đứng ở hành lang đường cạnh bến xe cầm túi quần áo của T, bên trong có túi quần áo của T1 và Heroine, Methamphetamine của T1 và T, còn T đang ngồi trên xe máy, thì bị lực lượng Công an tỉnh Điện Biên phát hiện, bắt thu giữ: 01 gói ma túy bên trong có 822,06 gam Heroine và 124,81 gam Methamphetamine; 01 gói ma túy bên trong có 199,76 gam Heroine và 40,71 gam Methamphetamine. Tổng khối lượng Heroine 1.021,82 gam và Methamphetamine 165,52 gam. Cơ quan Điều tra đã tiến hành bắt truy nã đối với Lò Văn P ngày 28/6/2018 và Lò Văn V ngày 23/8/2018.

HĐXX thấy rằng hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251/BLHS.

[3] Đánh giá tính chất vụ án HĐXX thấy rằng:

Tình hình tội phạm ma túy ngày càng diễn biến phức tạp, mặc dù cơ quan pháp luật đã truy quét và xử lý rất nghiêm minh đối với các loại tội phạm này. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận bị cáo biết việc Nhà nước cấm tất cả các hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy, biết tác hại của ma túy tới đời sống sức khỏe của con người, song vì lợi nhuận và để thỏa mãn cơn nghiện ma túy mà các bị cáo có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Vụ án này là một vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Lò Văn P là người khởi xướng, bị cáo Lò Văn V, Lò Văn T, Lò Văn T1 là những người thực hành tích cực. Các bị cáo đã có hành vi mua bán 1.021,82 gam Heroine và 165,52 gam Methamphetamine nhằm mục đích để bán kiếm lời. Tại bản kết luận giám định số: 428/GĐ-PC45, ngày 29/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Các mẫu vật cơ quan Điều tra thu giữ của Lò Văn T và Lò Văn T1 gửi đến giám định là ma túy loại *Heroine* và *Methamphetamine*.

Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự. Vì vậy, HĐXX thấy rằng cần áp dụng một mức hình phạt tù phù hợp với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra là cần thiết.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, thấy rằng:

Các bị cáo Lò Văn P, Lò Văn V, Lò Văn T, Lò Văn T1 không có tiền án, tiền sự do đó bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy rằng sau khi bị bắt, tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo là người dân tộc Thái sống

ở vùng sâu vùng xa, trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, do đó thấy rằng cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với các bị cáo Lò Văn P và Lò Văn T1 có bố đẻ là ông Lò Văn T4 là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang. Bởi vậy, HĐXX thấy rằng cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là cần thiết, thông qua đó để các bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật Nhà nước đối với người phạm tội, tạo điều kiện cho các bị cáo rèn luyện, cải tạo tốt sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 251/BLHS năm 2015 quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của cơ quan Điều tra, tại các bút lục số 193, 227, 273, 322 trong hồ sơ vụ án và qua việc xét hỏi công khai các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm thấy rằng, các bị cáo không có thu nhập ổn định, bản thân các bị cáo là những người nghiện ma túy, sinh sống bằng nghề làm ruộng, gia đình các bị cáo Lò Văn P, Lò Văn T1, Lò Văn T đều thuộc hộ nghèo, các bị cáo đều sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, những người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Sau khi phân tích tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra thấy rằng, gia đình các bị cáo còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, đề nghị HĐXX áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251/BLHS và áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS; riêng đối với các bị cáo Lò Văn P, Lò Văn T1 có bố đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang nên đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS, để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn P đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án tù có thời hạn. Xét thấy, các đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Riêng đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo P, HĐXX thấy rằng khối lượng chất ma túy mà bị cáo Lò Văn P có hành vi mua bán là 1.021,82 gam Heroine và 165,52 gam Methamphetamine theo điểm h khoản 4 Điều 251/BLHS quy định:

“4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm tù chung thân hoặc tử hình:

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này, h) có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích ma túy qui định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.”

Bởi vậy, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lò Văn P là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[5] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47/BLHS, Điều 106/BLTTHS. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Số Heroine và Methamphetamine đã thu giữ của các bị cáo; 02 chiếc túi xách các bị cáo sử dụng để cất giấu Heroine và Methamphetamine; 01 đăng ký xe máy mang tên Lò Văn T; 04 thẻ sim điện thoại đã hết giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 03 chiếc điện thoại di động Cơ quan Điều tra thu giữ của các bị cáo, thấy rằng các bị cáo đã sử dụng liên lạc trao đổi mua bán trái phép các chất ma túy, là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 1.200.000 đồng thu giữ của bị cáo Lò Văn T và số tiền 1.100.000 đồng thu giữ của bị cáo Lò Văn T1 là tiền bị cáo Lò Văn P đưa cho các bị cáo sử dụng để chi tiêu trên đường vận chuyển ma túy xuống cho các đối tượng ở Hà Nội và Thanh Hóa, số tiền do phạm tội mà có cần tịch thu để sung ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị T cho rằng chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA - SIRIUS biển kiểm soát 27U1 - 051.AB Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Lò Văn T do bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội là tài sản chung của hai vợ chồng đã tiết kiệm tiền và vay ngân hàng thêm để mua nên đề nghị HĐXX trả lại cho gia đình.

- 01 (một) ví giả da màu nâu đã cũ; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lò Văn T, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại bị cáo Lò Văn T.

- 01 (một) ví giả da màu nâu đã cũ; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lò Văn T1, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại bị cáo Lò Văn T1.

Trong vụ án còn thể hiện đối tượng T2 là người bán Heroine và Methamphetamine cho P và V, T3 là người đặt mua Heroine và Methamphetamine của P, do P không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên cơ quan Điều tra không điều tra, xác minh được. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết trong cùng vụ án này.

[6] Về án phí: Xét thấy, các bị cáo là hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên áp dụng Điều 135, Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo **Lò Văn P, Lù Văn V, Lò Văn T, Lò Văn T1** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt:

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251/BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 39 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Lò Văn P** tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 6 năm 2018.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251/BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Lò Văn T1** 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251/BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Lò Văn T** 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 4 năm 2018.

- Xử phạt bị cáo **Lù Văn V** 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

** Tịch thu tiêu hủy:*

- 1.015,82 gam Heroine (đã trừ mẫu gửi giám định).

- 161,52 gam Methamphetamine (đã trừ mẫu gửi giám định).

- 01 (một) túi xách màu xanh nhãn hiệu BOLISI đã qua sử dụng kích thước khoảng (80x50x40)cm. Thu giữ của Lò Văn T.

- 01 (một) túi xách vải màu đen nhãn hiệu “Cặp túi Phi Long” đã qua sử dụng kích thước khoảng (50x40x30)cm. Thu giữ của Lò Văn T1.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy của xe YAMAHA - SIRIUS biển kiểm soát 27U1 - 051.AB mang tên chủ xe là Lò Văn T.

- 01 thẻ sim điện thoại số thuê bao 01642402234CD. Thu giữ của Lò Văn T.

- 01 thẻ sim điện thoại số thuê bao 016894489EF. Thu giữ của Lò Văn T1.

- 02 thẻ sim điện thoại số thuê bao 016453311MN và 09648142IK. Thu giữ của Lò Văn P.

** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HOTWAV màu xanh, đen. Máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy. Thu giữ của Lò Văn T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL màu đen, đỏ. Máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy. Thu giữ của Lò Văn T1.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG loại máy màn hình cảm ứng màu bạc. Máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy. Thu giữ của Lò Văn P.

- ½ giá trị của chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA - SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 27U1 - 051.AB; số khung: RLCS5C641DY0663OP; số máy 5C6410663ZM. Xe cũ đã qua sử dụng.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng). Thu giữ của Lò Văn T.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành số tiền 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng). Thu giữ của Lò Văn T1

** Trả lại cho bị cáo Lò Văn T:*

- 01 (một) ví giả da màu nâu đã cũ. Thu giữ của Lò Văn T.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lò Văn T.

** Trả lại cho bị cáo Lò Văn T1:*

- 01 (một) ví giả da màu nâu đã cũ. Thu giữ của Lò Văn T1.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lò Văn T1.

** Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị T (địa chỉ: Bản P1, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên).*

- ½ giá trị của chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA - SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 27U1 - 051.AB; số khung: RLCS5C641DY0663OP; số máy 5C6410663ZM. Xe cũ đã qua sử dụng.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 08 tháng 11 năm 2018).

4. Về án phí : Căn cứ Điều 135, Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 các bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo :

Án xử hình sự sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/01/2019).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an Tỉnh Điện Biên (PC 04);
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo;
- Những người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- Cục THA dân sự tỉnh Điện Biên;
- Phòng hành chính TP - Sở Tư pháp;
- UBND xã (T/B);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Nam